

Thử tìm hiểu quan niệm về dân chủ, quyền lực chính trị và cơ sở kinh tế của chúng

Vũ Quang Việt¹

Dân chủ (democracy)² là đề tài của nhiều học thuyết nhưng tựu trung nó nói đến nguyên tắc về quyền ứng cử và bầu cử của tất cả mọi người dân đến tuổi trưởng thành nhằm tham gia chính quyền trực tiếp hoặc thông qua đại biểu được bầu chọn; về tương quan giữa thiểu số và đa số, về nhân quyền, về vai trò tối thượng của pháp luật không phân biệt đối xử về giai cấp, tầng lớp xã hội, màu da, tôn giáo, người lãnh đạo và người bị lãnh đạo.

Từ ngữ dân chủ dù không hàm ý tự do nhưng các nước dân chủ thường là những nước có tự do. Nếu không có tự do sẽ không có dân chủ. Các quyền tự do của công dân thường được nói tới là tự do ngôn luận, tôn giáo, ý kiến, tham gia hội đoàn, và tình trạng tự do cụ thể như không phải là nô lệ, không bị đặt dưới quyền lực của người khác hoặc quốc gia khác, không vô cớ bị tù tội, bắt bớ, giam cầm, bị đặt dưới sự kiểm soát của một nhà nước độc tài. Tuy nhiên dân chủ và tự do có nghĩa khác nhau. Dân chủ có thể chỉ dành cho một số người quyền tham gia chính quyền và do đó chỉ đòi hỏi sự bình đẳng và tự do của những người có quyền dân chủ này. Tự do theo ý nghĩa của chủ nghĩa tự do (liberalism) nhấn mạnh về quyền hành động của cá nhân theo ý nghĩa con người, có lý trí, nên có tự do ngang nhau, và chỉ cần hành động trên cơ sở là trong một xã hội, tự do của người này không vi phạm hoặc hạn chế tự do của người khác. Chủ nghĩa tự do không đặt vấn đề bình đẳng vì tất cả những hành động tạo ra sân chơi bình đẳng hơn như các chính sách nhà nước nhằm san bằng một phần cách biệt về những mất bình đẳng về thể chất sinh lý, gia thế, giai cấp khi sinh ra, hoặc do xã hội tạo ra là vi phạm đến tự do của công dân. Họ đòi hỏi, một cách không hạn chế, quyền mang súng, quyền sử dụng tiền ủng hộ những chính trị gia họ muốn, và phản đối các chính sách nhà nước nhằm phân chia lại lợi tức xã hội. Nếu có điều gì đó họ muốn ngăn chặn, như quyền phá thai, quyền luyến ái giữa những người cùng giới tính thì họ nhân danh đạo đức, tôn giáo thay vì dùng đến ý niệm tự do mà họ cổ võ.

Những lý thuyết về dân chủ hiện nay phản ánh các lý thuyết về dân chủ hiện đại của John Locke, Montesquieu, Rousseau và các điều kiện xã hội mà các nước trên thế giới ngày nay đã đạt được từ sau bản hiến pháp ra đời ở Mỹ năm 1787, cuộc cách mạng ở Pháp năm 1789 và cuộc cách mạng tư sản ở Anh trước đó. Tuy vậy những từ ngữ hoặc ý niệm trên ra đời trên cơ sở các thể chế dân chủ đã được xây dựng thời Hy Lạp cổ đại rồi sau đó biến mất trên bản đồ thế giới cho đến lúc nước Mỹ lập quốc dựa trên lý thuyết dân chủ phát triển ở Anh và ở Pháp³. Quyền lực gắn liền với chế độ kinh tế hiện thực trong mỗi thời đại, và chỉ qua xem xét chế độ kinh tế, ta mới có thể biết được giai cấp nào về thực chất nắm chính quyền. Lý thuyết về dân chủ ra đời, biến mất và trở lại trong lịch sử loài người với một nội dung khác khi cơ sở của nền kinh tế thay đổi. Tuy vậy, ngay từ kinh nghiệm đầu tiên của dân chủ ở Tây phương, và từ

¹ Tác giả bài viết xin cảm ơn giáo sư Cao Huy Thuần đã đọc và góp ý kiến quý báu nhằm hoàn chỉnh hơn bản thảo đầu, cũng xin cảm ơn anh Ái Việt đã sửa dùm nhiều lỗi chính tả.

² Nếu dân chủ là nhằm nói về nguyên tắc quản lý việc tham gia điều hành dù dưới hình thức chính quyền nhà nước hay một tổ chức hay hiệp hội nào đó thì **cộng hòa** là nhằm nói về thể chế về người đứng đầu nhà nước dân chủ. Chẳng hạn vương quốc Anh, Hà Lan, Bỉ, có Vua hoặc Nữ Hoàng đứng đầu nhà nước, do cha truyền con nối nhưng thực ra họ không còn chút quyền nào đáng kể nên dù không gọi là cộng hòa, các nhà nước này không khác gì một nhà nước cộng hòa.

³ Người ta thường nói về ảnh hưởng tư tưởng của John Locke đối với các cha đẻ của Hiến pháp Mỹ về bảo vệ tự do cá nhân trong đó quyền tư sản là quan trọng nhất, hạn chế tối đa quyền của nhà nước, và quyền lập đổ chính phủ nếu chính phủ vi phạm công ước xã hội (social contract) về quyền tự nhiên của công dân. Nhưng rõ ràng là tư tưởng phân quyền khá triệt để ở Mỹ là do ảnh hưởng của Montesquieu.

nguồn gốc của nó là Hy Lạp, tính giai cấp và nền tảng kinh tế của nó đã rõ rệt. Bài viết này nhằm tìm hiểu nội dung của thể chế dân chủ ấy rồi thử ghé nhìn tương lai ở các nước tây phương và Việt Nam.

I. Dân chủ thời Hy Lạp cổ đại

Sự hiểu biết về các chế độ dân chủ thời cổ đại Hy Lạp là qua sách vở còn giữ lại được của các triết gia đầu tiên của văn hoá tây phương, chủ yếu là Plato và Aristotle. Nền dân chủ Athens kéo dài từ năm 479 đến năm 323 trước công nguyên (tcn). Đây là thời kỳ được mệnh danh là thời kinh điển (classical period) đặt nền tảng cho tư tưởng phương Tây. Nhưng trước đó một thời gian rất dài các hình thức gần với dân chủ đã trong quá trình hình thành. Trường ca Iliad, lưu truyền là của Homer và ra đời khoảng năm 800 tcn, cho ta suy đoán là chế độ dân chủ đã manh nha có mặt. Không có một nhà vua toàn quyền quyết định như ở phương đông, dù là phương đông của Ấn Độ, Trung Quốc hay Luỡng Hà (vùng Mesopotamia giữa hai con sông Tigres và Euphrates mà ngày nay là Iraq). Ở truyện thơ Iliad, Agememnon là lãnh tụ (basileus), nhưng lại phải nghe ý kiến của hội đồng bô lão (council of elders) gồm thành phần thượng lưu giàu có và lãnh đạo quân sự, cũng như nghị viện nhân dân (assembly of the commons). Ba trăm năm sau, đến thời Aristotle, nhiều hình thức dân chủ đã có mặt. Chính vì thế mà ông đã thu thập tới 158 bản hiến pháp của các quốc gia thành phố ở Hy Lạp để phân loại, phân tách và phê phán các loại thể chế chính quyền, trong đó có các loại dân chủ.

Tóm tắt thời biểu cổ đại

	3500 tcn	2700 tcn	800 tcn	479 tcn	323 tcn
Luỡng Hà (Mesopotamia)	Văn minh Summer phát triển với thi ca, toán học (3500-3000)	Đế quốc đầu tiên do Sargon thành lập (2300)			
Ai cập	Ai cập có chữ viết, 3000 tcn	Kim tự tháp đầu tiên ở Ai Cập			
Hy Lạp			Trường ca Iliad và Odyssey của Homer	Bắt đầu của thời Hy Lạp kinh điển khi dân chủ phát triển ở mức cao nhất Socrates (470-399) Plato (427-347) Aristotle (384-323)	Kết thúc thời Hy Lạp kinh điển
Ấn Độ, Trung Quốc	Văn minh Harappan của người Ayans (3000-1500)	Kinh veda (1200-1300)	Siddhartha Gautama (560-480) Lão Tử (sinh 604?) Khổng Tử (551?-479?)		

1. Quá trình hình thành nhà nước dân chủ thời Hy Lạp cổ đại

Hy Lạp thời cổ đại chỉ gồm các quốc gia có bề rộng của một thành phố, được gọi là polis (quốc gia thành phố). Những quốc gia thành phố nổi tiếng thời đó là Athens, Ithaca, Sparta, Mycenae, Corinth. Athens là quốc gia thành phố để lại nền văn hoá lớn với các triết gia, nhà thơ, kịch tác gia và các khu vực đền đài

tôn giáo như Acropolis, hí trường Dionysos còn tồn tại cho đến ngày nay. Athens là thành phố có cảng biển, bao bọc bởi các vùng nông thôn. Có vùng của các thế gia giàu với các trang trại trồng nho và cây olive để làm rượu và dầu olive xuất khẩu. Có vùng nghèo của nông dân trồng lúa mì. Trong hơn 270 năm tồn tại, Athens thay đổi không phải vì dựa trên sự phát triển tư tưởng của các triết gia thời đó như Socrates, Plato và Aristotle, v.v. mà là tranh chấp, hay đúng hơn là đấu tranh giai cấp dựa vào quyền lợi kinh tế trong xã hội. Các triết gia chỉ là những người ghi lại và phân tích.

Trước khi trở thành một quốc gia thành phố với nền dân chủ mẫu mực trong thời cổ đại, kéo dài rực rỡ từ năm 479 đến năm 323 tcn, Athens, trước đó cả 100 năm cũng như các polis khác, có người đứng đầu là lãnh tụ theo hình thức mà thơ Homer đã diễn tả, nhưng rồi hệ thống quyền hành dần dần bị giai cấp thượng lưu ngày càng giàu có ảnh hưởng rồi chiếm đoạt. Quyền được giao cho 9 người thế lực trong hội đồng quý tộc (được gọi là Areopagus). Plato và Aristotle gọi đó là thể chế tập đoàn quý tộc lãnh đạo (oligarchy). Do xuất khẩu rượu vang và dầu olive, giới quý tộc nhập lúa mì từ những nơi có giá rẻ hơn. Giá lúa mì ở Athens do đó xuống giá, sản xuất lúa mì giảm. Người nông dân trở nên nghèo đói, thành con nợ của giới quý tộc và để trả nợ họ phải bán vợ, con và chính họ thành nô lệ cho giới quý tộc. Giới quý tộc khi nghĩ thấy mùi thuốc nổ cách mạng sắp bùng, họ đã trao quyền cho một cá nhân Solon để giải quyết. Đó là năm 594 tcn. Solon quyết định xóa bỏ hoàn toàn nợ nần, giải phóng những người trở thành nô lệ vì nợ. Ông ta chia xã hội thành 4 đẳng cấp: 2 đẳng cấp giàu nhất là thành viên của Hội đồng quý tộc (cổ vấn). Đẳng cấp thứ ba là số đông được bầu cử người vào gồm 400 người. Đẳng cấp thứ tư nghèo nhất tham gia vào Nghị viện. Nghị viện biểu quyết về các vấn đề do hội đồng 400 người đem tới. Tòa án mang tính nhân dân.⁴ Dĩ nhiên dân Athens coi ông ta là anh hùng nhưng tiếc là ông ta không giải quyết được khủng hoảng kinh tế. Quyền hành rơi vào nhà lãnh đạo quân sự Peisistratus. Ông này phát triển văn hóa, biểu dương các nhà thơ, nghệ sĩ và biến Athens thành vùng văn hóa. Ông ta cũng đồng thời bằng mọi cách phá bỏ quyền hành của giai cấp quý tộc, nâng quyền của nghị hội công dân (assembly) và tòa án cùng với vai trò của người nghèo. Ông ta có tham vọng để vương nên trở thành nhà lãnh đạo độc tài, khi chết quyền được trao lại cho con, một người nghi kỵ, độc đoán do đó có nhiều kẻ thù. Một dòng họ giàu có bất liên lạc với vua Sparta chiếm đóng Athens. Sparta là đại biểu của thể chế lãnh đạo tập đoàn thuộc giới quý tộc (oligarchy) và thường dùng quân sự làm biện pháp cướp bóc tài sản còn Athens là đại biểu của thể chế dân chủ.

2. Nội dung và cơ sở kinh tế của dân chủ thời cổ đại

Athens chỉ thực sự bắt đầu xây dựng thể chế dân chủ khi Cleisthenes đánh đuổi quân Sparta, lên cầm quyền vào năm 508 tcn. Cleisthenes tiếp tục cải cách, công nhận quyền công dân của mọi người tự do (không phải là nô lệ), lập ba khu vực chính quyền: Hội đồng Aeropagus, Nghị hội công dân (Assembly) và tòa án (Thesmothetae).

Theo Aristotle trong quyển *The Athenian Constitution*⁵, Hội đồng Aeropagus có trách nhiệm viết hiến pháp, làm luật, chọn các chức vụ hành pháp và tư pháp mà mọi công dân trên 30 tuổi có tài sản ở mức do luật định đều có tư cách tham gia. Hội đồng này gồm 500 thành viên được chọn bằng cách rút thăm (lottery) từ 10 bộ lạc (tribes) mỗi bộ lạc chọn 50 người và có nhiệm kỳ là một năm. Chức vụ hành pháp cao nhất là 9 Archons. Nghị hội công dân (assembly) gồm các công dân nam, có quyền phủ quyết quyết định của Hội đồng Aeropagus và là cơ quan độc nhất có quyền tuyên bố chiến tranh⁶. Một số loại án, tòa án xử theo bồi thẩm (jury) thường khoảng 500 người. Bồi thẩm do 9 người đứng đầu hành pháp và thư ký tòa án lựa chọn, theo lối bắt thăm từ công dân. Năm 487, Nghị hội lại có thêm quyền tước bỏ quyền công dân⁷ trong vòng 10 năm của cá nhân nhằm ngăn chặn các cá nhân có hành vi chiếm quyền. Nghị hội

⁴ Aristotle nói về Solon và tòa án nhân dân (the courts are popular) trong chương 12 của quyển *Politics*. Có lẽ đây là xử theo bồi thẩm (jury) bỏ phiếu quyết định.

⁵ Great Books, Volume 9, *Aristotle: Volume II*, Britannica, US 1952: The Athenian Constitution.

⁶ Tổ chức ở cấp dưới là demes cũng khá phức tạp.

⁷ Từ ostracism ra đời vì cách bầu là dùng mảnh sành gọi là ostracism.

thường xuyên họp một tháng một lần. Dĩ nhiên không phải mọi công dân đều tham gia, một phần bị bận rộn công việc, một phần không muốn tham gia. Nền dân chủ Athens vận hành đại khái như thế, dù hiến pháp cũng luôn thay đổi, trong 150 năm, phản ánh đấu tranh quyền lực giữa cá nhân và gia cấp thượng lưu muốn nắm quyền, và số đông dân chúng cho đến khi bị đại đế Alenxander tiêu diệt. Nền dân chủ đó được gọi là democracy, tức là người công dân (demos) cai trị (kratein).

Để hiểu thêm về những yếu kém của dân chủ Athens mà Socrates, Plato và Aristotle phê phán sau này ta cũng nên điếm qua vài nét về cấu trúc xã hội thời đó. Các Polis thời cổ đại thường chỉ có từ vài trăm đến vài ngàn công dân nam. Athens là một polis lớn nhất thời đó, có chừng 40 ngàn công dân nam theo Martin.⁸ Theo Will Durant,⁹ tổng số dân Athens có chừng 400 ngàn người, trong đó 250 ngàn (hơn một nửa) là nô lệ và trong số 150 ngàn người tự do thì chỉ có 2/3, tức là 112 ngàn có thể trở thành công dân do cha mẹ là công dân, nhưng ít nhất một nửa là phụ nữ không thể trở thành công dân, do đó số công dân khoảng 56 ngàn. Dù 40 ngàn hay 56 ngàn, tức là chỉ bằng 10-14% số dân thì đây là con số rất lớn để làm việc chọn người theo lối bốc thăm thay phiên một cách hiệu quả. Thế nhưng dân chủ Athens đã kéo dài khoảng 150 năm và là thời huy hoàng của thi ca, kịch nghệ, triết học, khoa học và kiến trúc. Trong khoảng thời gian trên có ít nhất một lần nền dân chủ Hy Lạp bị đe dọa. Đó là năm 404 tcn, sau cuộc chiến với Sparta, tập đoàn được mệnh danh là 30 người độc đoán (tyrants) nắm quyền bằng bạo động nhằm xoá bỏ chế độ dân chủ nhưng thất bại. Plato là người ủng hộ nhóm này nhưng vì không chấp nhận bạo động nên rút lui.

Vài nét sơ lược về lịch sử cổ đại Hy Lạp cho thấy hình thái dân chủ được xây dựng ở đó không phải là kết quả của tư tưởng và lý thuyết từ các triết gia hoặc tư tưởng gia. Nó ra đời một cách bất ngờ, chỉ xảy ra ở một nơi duy nhất là Athens trong thế giới cổ đại từ tây sang đông, cho đến khi bị đế chế của Alenxander và sau đó là La Mã xoá bỏ. Lý do nào để cho nó ra đời như vậy? Chắc là không có câu trả lời. Thế nhưng nó không hoàn toàn ngẫu nhiên. Có thể nói lực lượng kinh tế là một yếu tố tạo điều kiện cho nó ra đời. Trong thời kỳ dân chủ, Athens đã sống chủ yếu bằng sản xuất và xuất khẩu rượu vang, dầu olive, hàng thủ công và nhập lúa mì để nuôi dân. Công nghệ như vậy đã phát triển khá cao. Nó cho phép tạo việc làm để nuôi số dân khá lớn với một mức sống khá cao trong xã hội cổ đại. Đời sống cao này được thể hiện qua các công trình nhà ở và đền đài hiện còn để lại dấu vết, cũng như qua các công trình văn hoá phát triển về nhiều mặt như triết học, toán học và các khoa học khác, kịch nghệ và thi ca. Athens có nhà hát kịch, có các đấu trường để tổ chức các cuộc thi thể thao như olympics, và có giáo dục cưỡng bách hai năm cho thanh niên (công dân) trên 18 tuổi và có các trường nổi tiếng như Academy của Platon và Lyceum của Aristotle. Để ta hình dung thêm về sự giàu có thời đó, Aristotle có thư viện lớn tốn 800 talents,¹⁰ tính bằng tiền hiện nay lên tới 22 triệu US, một số tiền khá lớn so với thư viện trung bình ở đại học Mỹ hiện nay. Dù không hoàn toàn tin cậy được, con số trên cho thấy thư viện của Aristotle rất lớn, cũng như tầm quan trọng của việc học và sự giàu có của Athens. Số người giàu có và có tài sản không phải là ít. Có thể nói chính đời sống cao như vậy là lý do giải thích tại sao mà trong suốt 150 năm không có những cuộc biến loạn do người nghèo chủ mưu như đã xảy ra trước thời kinh điển.

Nói tóm lại, trước khi bị các đế chế to lớn nuốt trôi, Athens là quốc gia thành phố có sản xuất hàng hóa, với ngoại thương phát triển và do đó có tầng lớp tư sản khá lớn tới mức nuôi sống nổi số lao động tự do và nô lệ khá đông đảo và xây dựng được một nền văn hóa rực rỡ. Có thể nói nó chẳng khác gì quốc gia thành phố Singapore hiện nay về mặt kinh tế cộng thêm với tư cách một trung tâm văn hóa của nhân loại. Nó không cần và cũng không có khả năng về dân số gây chiến tranh chiếm đoạt. Từ các cuộc đấu tranh giai cấp trong lịch sử, nó đã hình thành một thể chế dân chủ nhằm bảo đảm tự do sản xuất, thương nghiệp

⁸ Thomas Martin, *An Overview of Classical Greek History from Homer to Alexander*, <http://www.perseus.tufts.edu/cgi-bin/ptext?doc=1999.04.0009>.

⁹ Will Durant, *The Story of Philosophy*, the Pocket Library, New York, 1995, tr.4.

¹⁰ Will Durant, như trên, tr. 54. Talents là đơn vị đo lường tiền tệ thời cổ đại ở Hy Lạp và La Mã sau này. Durant tính giá trị của 800 talents là 4 triệu US năm 1955, tương đương 22 triệu năm 2003 khi chuyển đổi bằng cách dùng chỉ số giá ở Mỹ.

và quyền công dân. Quyền công dân này tất nhiên dành riêng cho những công dân có tư sản, trong nhà thì phụ nữ lo việc nhà, sản xuất thì nô lệ lo, các demos đàn ông do đó có quyền rong chơi bàn chuyện và làm chuyện dân chủ.

3. Dân chủ dưới cái nhìn của triết gia

Nếu dân chủ Athens là kết quả của sự cân bằng thế lực giai cấp trong xã hội thì các triết gia như Socrates, Plato và Aristotle vẫn tỏ ra không mấy hài lòng vì hình thức dân chủ này không đạt tiêu chuẩn họ đặt ra.

Socrates - Plato

Socrates không để lại tác phẩm nào do đó tư tưởng của ông ta chỉ là những gì mà Plato, học trò và bạn ông, thể hiện qua các tác phẩm trong *Đối Thoại* (Dialogues). Và cũng vì vậy không thể biết được tư tưởng nào là của Plato và tư tưởng nào là của Socrates. Nhưng có thể nói hai triết gia trên là những nhân vật “phản cách mạng” theo cách nói và phân tích của I. F. Stone.¹¹ Theo Xenophone người cùng thời với Socrates viết trong *Memorabilia* thì Socrates chủ trương quyền hành tuyệt đối của một nhà vua thông thái (wise king), dựa trên tiền đề là “vai trò của người lãnh đạo là ra lệnh và vai trò của kẻ bị trị là phục tùng.” “Vua hay người lãnh đạo là người biết lãnh đạo.”¹² Ông công kích dân chủ, coi đó là một thể chế quyết định bởi những người không biết, không có kiến thức, hoặc những doanh thương giàu có, đầu óc mê muội vì tiền bạc. Không chỉ phát biểu ý kiến, Plato còn tham gia vào cuộc binh biến nhằm lật đổ chính quyền dân chủ như đã nói ở trên. Nhiều học trò của Socrates hợp tác với Sparta và tham gia vào cuộc binh biến. Socrates bị xử tội chết vì công dân dân chủ (demos) ở Athens lo sợ ông ta sách động thanh niên tham gia các cuộc bạo động phản cách mạng.

Socrates và Plato là hai nhà tư tưởng thuần lý cho nên thực tế không quan trọng lắm. Ý (ideas) theo nghĩa sự thật, định luật, lý tưởng có tính vĩnh cửu bị bề mặt của thực tế che dấu cho nên ngũ giác không thể cảm nhận được, nhưng lại có thể nhận thức được qua lý trí và tư tưởng thông qua đối thoại. Plato ví thực tế mà con người nhìn thấy giống như các hình thể mập mờ trên tường mà một người ngồi quay mặt vào lòng hang nhìn thấy trên tường, do ánh sáng phản chiếu sự thực ở ngoài hang. Cho nên đối với Plato, đối thoại, triết lý và toán học là phương pháp luận tìm đến sự thực. Sự thật mà tư tưởng khoa học tìm kiếm phải có khả năng diễn tả bằng toán học. Toán học là loại suy luận chính xác và chắc chắn nhất của con người.¹³ Giáo dục là dạy đi tìm ý. Người lãnh đạo thông thái là vua - triết gia (philosopher king), là người ưu tú nhất của xã hội về tư tưởng, và những người trong giai cấp lãnh đạo cũng phải là những người ưu tú, được huấn luyện từ nhỏ. Chính vì thế mà Plato chủ trương một thể giới cộng sản dành riêng cho những người được chọn lựa để trở thành lãnh đạo toàn hảo. Họ có vợ chung, không có tài sản riêng, sống và được huấn luyện chung kiểu trại lính bởi vì theo Plato đó là cách duy nhất để những người này trở nên hiền đức, không tư hào cá nhân, không ghen tuông, không bị quyến rũ bởi vật chất, không cần biết đến luật pháp, vì luật pháp cản trở họ làm quyết định trước những thực tế luôn luôn thay đổi, họ là người có khả năng tư duy để tìm ra sự thật.¹⁴ Tư tưởng chính trị của Socrates – Plato xem ra còn quá khích hơn chủ nghĩa Mao – Pol Pot.

Aristotle

Aristotle, dù là học trò của Plato, đã phân bác toàn bộ quan điểm của thầy về chính trị và cả triết lý. Aristotle cơ bản nhà khoa học thực nghiệm, dù chỉ dựa vào quan sát chứ chưa biết đến phương pháp kiểm chứng giả thuyết bằng thực nghiệm.¹⁵ Ông cho rằng để hiểu biết thế giới chung quanh, cần có óc quan sát

¹¹ I.F. Stone, *The Trial of Socrates*, Anchor Books, New York, 1989.

¹² I.F. Stone, như trên, trang 12.

¹³ G. C. Field, *The Philosophy of Plato*.

¹⁴ Plato, *The Republic*, Book VI, *The Philosophy of Government*,

http://www.ilt.columbia.edu/publications/Projects/digitexts/plato/the_republic, do Benjamin Jowett dịch.

¹⁵ Có thể nói Aristotle là nhà san định, phân loại hoặc viết về toàn bộ khoa học về sinh học, vật lý, khí hậu học, thi

và xếp loại. Để viết một điều gì ông ta thu thập những gì đã được viết về đề tài này, xem xét các ý kiến về đề tài này và tìm hiểu tất cả những vấn đề liên quan đến đề tài đó. Từ những quan sát, ông ta đi đến kết luận về định luật. Phương pháp qui nạp (inductive reasoning) mà ông dùng là một trong những phương pháp khoa học căn bản của phương tây.

Trong tác phẩm *Politics*, Aristotle quan niệm về mục đích cuối cùng của cuộc đời không phải là làm tốt mà là hạnh phúc. Ông ta viết: “Chúng ta chọn hạnh phúc vì chính [giá trị tự tại của] nó mà không vì những điều gì khác; còn khi chúng ta chọn danh dự, khoái lạc, tri thức, ...bởi vì chúng ta tin rằng chúng làm ta hạnh phúc.”¹⁶ Polis [Quốc gia thành phố - hàm ý quốc gia] là một hội nhập chính trị nhằm đạt điều tốt đẹp nhất. Nhiều gia đình hội nhập thành làng. Nhiều làng hội nhập thành polis. Polis phải hội đủ điều kiện để tự túc nhằm đạt được cuộc sống tốt đẹp. “Polis ra đời vì yêu cầu sống còn cơ bản, nhưng nó hiện hữu vì mục đích phục vụ cuộc sống tốt đẹp.” “Con người, theo bản chất tự nhiên, là con vật chính trị” bởi vì chỉ có nó mới có khả năng trao đổi suy nghĩ về công lý, bất công và những điều tốt đẹp. Nhà nước dựa trên pháp luật là thiết yếu cho cuộc sống. “Con người, khi được làm hoàn hảo thêm [ngâm nói qua giáo dục], là đỉnh cao nhất của loài vật, nhưng khi bị tách khỏi luật pháp và công lý, nó là con vật tồi tệ nhất...Chính công lý là sợi dây nối kết con người với nhà nước vì lẽ việc thực hiện công lý là nguyên lý cao nhất trong một tập thể chính trị.”¹⁷ Để đạt được hạnh phúc, con người phải dựa vào chức năng duy nhất mà chỉ con người mới có, đó là: “hoạt động của tâm hồn theo lý trí.” (activity of the soul according to reason).

Triết lý về chính trị của Aristotle có thể tóm gọn như sau: Mục tiêu cuối cùng của con người là hạnh phúc mà hạnh phúc chỉ có thể đạt được trong một xã hội dựa trên công lý và công lý là kết quả của hoạt động lý trí ngày càng được nâng cao bởi giáo dục.

Trên cơ sở triết lý trên, Aristotle chống lại công hữu bởi vì nó tạo nên tranh chấp quyền lực khi chính con người đã có khó khăn làm việc chung với nhau. Ngoài ra nếu có tư hữu thì con người mới quan tâm đến bảo toàn của cải, chia sẻ với bạn bè và người khác và qua đó mới tạo ra những cái chung một cách tự nguyện. Cách hay nhất là có những cái riêng để sử dụng chung, nguồn gốc của hạnh phúc và cơ sở để thực tập đức tính tiết chế và rộng lượng. Chỉ có giáo dục là Aristotle nhìn khác, nó nên là trách nhiệm của nhà nước.

Cách chọn lãnh đạo của Plato, theo Aristotle, nguy hiểm ở chỗ người lãnh đạo sẽ luôn luôn là người lãnh đạo, nguồn gốc gây ra tranh giành và bản thân họ cũng không hạnh phúc. Plato nhìn vào sự thông thái hoàn hảo của một cá nhân nhưng xã hội lại cần hoà hợp giữa con người, gia đình và quốc gia, cho nên cách nhìn của Plato là phi chính trị.¹⁸ Luật pháp là dựa trên con người, tình hình của quốc gia và các nước chung quanh.

Aristotle tuy vậy cũng đề cao tiêu chuẩn chọn lựa lãnh đạo dựa trên sự xứng đáng (merit) về thông thái, đức hạnh và lý trí, do đó chủ trương tầng lớp lãnh đạo phải là tầng lớp ưu tú (aristocrates).¹⁹ Không thể coi mọi công dân là bình đẳng. Ông nghi ngờ giới làm giàu từ thương mại và chủ trương gạt họ ra khỏi chính quyền. Qua những lập luận ông đưa ra trong tác phẩm *Politics*, ta có thể lên bảng xếp hạng các dạng thể chế chính trị từ cao đến thấp như sau: vua/tổng thống (monarchy), tầng lớp ưu tú (aristocracy), cộng hoà lập hiến (constitutional republic), dân chủ (democracy), tập đoàn nhà giàu (oligarchy), và cuối cùng

ca, chính trị, siêu hình học, tâm lý học, logic, đạo đức học, mỹ học, v.v. Những gì còn sót lại không khác gì một bộ bách khoa toàn thư cỡ lớn. Nhiều từ ngữ về khoa học đang dùng hiện nay là xuất phát từ Aristotle. Lưu truyền rằng Aristotle đã viết từ 400 đến hàng ngàn tác phẩm. Dù số tác phẩm thực viết như thế nào chưa biết nhưng chỉ nhìn những tác phẩm còn lại cho đến ngày nay thì trước tác của ông ta quả là lớn lao.

¹⁶ Great Books, Volume 9, *Aristotle: Volume II*, Britannica, US 1952: Nicomachean Ethics, Book 1, chapter 7.

¹⁷ Great Books, Volume 9, *Aristotle: Volume II*, Britannica, US 1952: Politics, Book 1, chapter 2.

¹⁸ Great Books, Volume 9, *Aristotle: Volume II*, Britannica, US 1952: Politics, Book 2.

¹⁹ Aristocrates, aristocracy dịch là ưu tú, thay vì thượng lưu, thì mới đúng ý của Aristotle.

là độc tài (tyranny). Rồi sau đó ông làm bài toán loại trừ. Vua/tổng thống theo ý nghĩa là một lãnh đạo thông thái là không tưởng. Tầng lớp ưu tú cũng không thể thực hiện được vì nó không hiện hữu. Dân chủ ai cũng như ai thì là chế độ của người nghèo, u tối kiến thức. Theo ông, kẻ nghèo thì hay tham lam, dễ mua chuộc, không thể có tự lập để tự do quyết định. Tập đoàn nhà giàu, độc tài thì không thể chấp nhận được. Như vậy chỉ còn một thể chế hiện thực và tốt hơn cả là cộng hoà lập hiến, nhất là khi nó đại diện cho tầng lớp trung lưu đông đảo nhất. Tầng lớp này có tư sản cho nên không phải lo lắng về đời sống vật chất hàng ngày, có giáo dục và do đó không quá tham lam để dễ bị mua chuộc và bọn thương nhân giàu có có thể mua quyền lực. Chỉ có chính quyền của tầng lớp trung lưu đông đảo hành xử theo luật pháp mới có khả năng bền vững. Ông đánh giá là với số công dân ngày càng đông thì chính quyền dân chủ là hình thức có khả năng trở thành hiện thực nhất. Không thể trả lời câu hỏi chính thể nào là tốt nhất một cách trừu tượng vì nó còn tùy vào điều kiện hiện thực. Ông nghĩ một nhà nước không nên lớn quá và cũng không nên nhỏ quá, 10 ngàn công dân là vừa. Lịch sử của quốc gia thành phố Athens là chuỗi của các chế độ thay phiên nhau, có khi độc tài (tyranny), có khi dân chủ (democracy) và có khi là tập đoàn nhà giàu. Tập đoàn nhà giàu leo lên được là do dựa vào thế ngoại bang Sparta. Độc tài cũng không sống lâu được vì không có cơ chế quân sự có thể dùng làm phương tiện đàn áp.

Nói tóm lại tư tưởng của Aristotle về chính quyền là một nhà nước dân chủ hạn chế, thiết chế bằng hiến pháp và pháp luật cho tầng lớp trung lưu. Dân chủ hạn chế theo nghĩa chỉ có nam công dân, có tài sản, có kiến thức mới được tham gia và quyết định việc nước. Quan điểm về phụ nữ và nô lệ của Aristotle có thể bị đánh giá là lạc hậu với suy nghĩ ngày nay chỉ vì trong tất cả những phạm trù về đạo đức ông không bao giờ nêu vấn đề về nhân phẩm giá (human dignity) như là thuộc tính của con người.

Tư tưởng của Aristotle về chính trị đã nêu lên nhiều vấn đề mà cho đến ngày nay vẫn là những điều vẫn còn đang được bàn cãi:

- Có thể có dân chủ khi nhà nước trở nên quá lớn không? Và như vậy quyền lợi của thiểu số (giai tầng khác nhau trong xã hội và địa phương) sẽ giải quyết như thế nào? Điều này không phải chỉ là quan tâm của Aristotle mà của cả J.J. Rousseau sau này trong tác phẩm *On The Social Contract*. Chính vì thế mà Alexis de Tocqueville khi đi thăm và quan sát nước Mỹ đã tìm thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của các hình thức dân chủ ở cấp dưới quốc gia qua các đoàn thể đủ loại hoặc về tôn giáo hoặc liên quan đến các vấn đề mà thành viên có cùng quan tâm nhằm gây mục đích tập hợp bảo vệ quyền lợi riêng hoặc chỉ để chia sẻ kinh nghiệm hoặc chuyên môn. Những loại tổ chức này ngày nay ta gọi chung là xã hội dân sự một điều mà Tocqueville đã nhận ra tầm quan trọng trong việc bảo vệ tổ chức xã hội đa dạng, tránh tình trạng xã hội bị ép vào một mẫu chung. Cũng chính vì thế mà việc tập trung toàn bộ quyền hành vào chính quyền trung ương hay tản quyền cho chính quyền địa phương cũng được đặt ra.²⁰ Dân chủ có thể trở thành độc tài của đa số nếu như quyền tự do của cá nhân không được tôn trọng. Cho nên một xã hội đồng thuận đòi hỏi nó phải giải quyết một cách hợp lý giữa dân chủ và tự do. Chủ nghĩa tự do quá trốn đi ngược lại sự sống còn của tập thể và sự hiện hữu của xã hội và quốc gia.
- Công hữu đưa con người đến việc tập trung tranh giành quyền lực là chính?
- Phải chăng việc không có tư hữu làm cho con người mất khả năng tự túc về đời sống kinh tế cá nhân và gia đình do đó đưa đến việc họ mất khả năng tự do quyết định?
- Chính quyền vững mạnh là của giai cấp trung lưu đa số hay là của thiểu số? Đây là vấn đề sẽ được khai thác trong phần tới.

²⁰ Tất cả những vấn đề của một nền dân chủ nhiều thành phần này đã được Robert A. Dahl xem xét khá kỹ trong tác phẩm nổi tiếng: *Dilemmas of Pluralist Democracy, Autonomy vs. Control*, Yale University Press, New Haven, 1982.

II. Từ cơ sở kinh tế của xã hội đến vấn đề giai cấp và nhà nước dân chủ

1. Thời kỳ phong kiến

Có thể nói hệ thống tư tưởng của Aristotle chỉ đặt nền móng cho tư tưởng tây phương từ khi giai cấp tư sản ra đời. Trước đó, nó mất dần ảnh hưởng khi Athens bị chiếm đóng. Trong thời trung cổ đen tối, sách vở bị thiêu hủy khi xã hội tây phương bị đặt dưới ách thống trị của Công giáo La Mã. Chế độ công giáo La Mã kéo dài suốt cả ngàn năm là một chế độ không chỉ là độc tài theo xếp loại của Aristotle mà là độc tài thần quyền dựa trên phán quyết của giáo hoàng.²¹ Độc tài thần quyền của giáo hội và độc tài của đế chế La Mã phải dựa nhau để tồn tại. Để giữ uy quyền của giáo hoàng, ngay cả thánh kinh cũng bị cấm phổ biến vì nó đi ngược với phán quyết của giáo hội La Mã. Nhưng rồi quyền lợi địa phương dần dần phân hóa đế chế La Mã. Các nhà nước quốc gia độc lập ra đời đã lấy cơ sở đoàn kết là phong trào cải cách tôn giáo, là việc truyền bá và diễn dịch thánh kinh, và rồi là sự kết hợp giữa việc bành trướng đế quốc quốc gia của giai cấp tư bản và việc truyền đạo.

Khi hoàn cảnh nền kinh tế còn thuần nông nghiệp và dựa vào nông nô, người dân chủ yếu là nông nô không thể tự túc về kinh tế, thì nhà nước phong kiến của giai cấp chủ nông giàu có với khả năng đàn áp nắm quyền lực là chuyện đương nhiên. Không chỉ ở Tây Âu, mà còn ở nơi khác, nếu một nông nô nào đó lãnh đạo được đám đông lật đổ được chính quyền tàn ác hoặc rệu rã nào đó thì họ cũng sẽ chỉ lập lại một thể chế như cũ. Đám đông nông nô hoặc làm nông nghiệp nhỏ không có khả năng về kinh tế để trở thành một giai cấp tự nó và cho nó, có nghĩa là nó không thể có ý thức về vai trò của nó và không có cơ sở kinh tế để thực hiện vai trò nào đó dù có ý thức. Ai trong đám nông nô ngoi lên được thì cũng sẽ trở thành chủ nô, hoặc quan văn của thể chế phong kiến.

2. Thời tư sản của cách mạng công nghiệp

Phong trào vận động dân chủ chỉ ra đời khi giai cấp tư sản (tư sản lớn và tiểu tư sản) ra đời và lớn mạnh ở các thành phố thương mại, công nghiệp do phát triển của khoa học kỹ thuật. Họ đòi hỏi quyền tự do cá nhân, trong đó có tự do kinh doanh. Những lý thuyết gia của nó cũng như Aristotle là từ những gia đình hoặc giàu có hoặc tiểu tư sản có đủ phương tiện kinh tế cho con em mình học hành. Montesquieu thuộc dòng quý tộc, J.J. Reasseau có bố làm thợ làm đồng hồ có khả năng cho con ăn học²². Cũng như Aristotle, và bị ảnh hưởng của ông, họ quan sát cuộc vận động của phát triển xã hội. Nhưng các lý thuyết gia cũng chỉ là người xem xét sự vận động của xã hội chứ bản thân lý thuyết không thể đảo lộn hướng vận động của xã hội. Lý thuyết về giai cấp vô sản nắm chính quyền cũng chỉ đảo lộn được trật tự xã hội một thời gian nhưng không thể đảo lộn hướng đi của nó.

Quan điểm tư sản khởi đầu bằng luận thuyết về nguồn gốc của sở hữu là từ lao động của John Locke (1632-1704), về tự do cá nhân là quyền tự nhiên của con người, đã gạt bỏ vai trò lãnh đạo tự nhiên của vua chúa và giới thượng lưu.²³ Giai cấp trung lưu trong thời diễn ra cuộc cách mạng kỹ nghệ chính là giai cấp lao động: chủ, thợ và lao động trí thức. Sau đó, tư tưởng Aristotle đã có cơ hội ảnh hưởng sâu đậm đến Montesquieu và Rousseau. Montesquieu là nhà lý thuyết về quyền tự do chính trị, hiến pháp và pháp

²¹ Chỉ đến năm đến năm 1225 mới tìm lại được tác phẩm của Aristotle trong thư viện của người Hồi giáo và được dịch ra tiếng Latin. Chính tu sĩ công giáo St. Thomas Aquinas (1225-1274) là người dịch Aristotle từ tiếng Hy Lạp ra tiếng Latin. Ông là người bảo vệ Aristotle, bảo vệ khoa học và lý luận chống lại các nhà thần học khác coi Aristotle là không phù hợp với thiên chúa giáo trong *Summa Theologica* nhưng lý luận thần học vòng thúng của Aquinas chẳng giúp gì cho sự phát triển của khoa học. Từ St. Thomas Aquinas đến J.J. Rousseau (1762) mất thêm 500 năm nữa. Đó cũng chính là vì cơ sở kinh tế chưa ra đời, cho phép một cuộc cách mạng tư tưởng.

²² Great books, Volume 38, *Montesquieu, Rousseau*, Britannica, 1952.

²³ Đã được thảo luận trong bài viết trong hội thảo Liège (1999): *Cơ Sở Triết Lý Và Kinh Tế Chính Trị Của Sở Hữu*.

luật (1748) mà công hiến quan trọng nhất là phân quyền tam lập (hành pháp, lập pháp và tư pháp) dù ông ta vẫn chưa chủ trương xóa bỏ quyền của vua chúa. Lý thuyết về khế ước xã hội của J.J. Rousseau (1762) coi xã hội là một khế ước mà con người như một tập thể lập nên. Rousseau là người đi trước Marx, phê phán thể chế dựa trên tư hữu, và cũng như Aristotle đánh dấu hỏi về giả thuyết coi quyết định của đa số là đúng đắn, và coi mục đích của chính quyền là bảo đảm tự do, bình đẳng và công lý cho công dân bất chấp ý kiến của đám đông. Cuộc vận động dân chủ ở phương tây cho ta thấy lại thấy tầm quan trọng của nhận xét của Aristotle:

- Quyền lực nếu muốn thành công và tồn tại lâu bền phải là quyền lực của giai cấp đông đảo nhất trong xã hội có thể tự lực và độc lập về kinh tế và có hiểu biết qua giáo dục để làm quyết định chính trị;
- Giai cấp đông đảo này chính là giai cấp trung lưu trong xã hội trong đó có giới trí thức. Họ là thành phần có thể tự lập về kinh tế, không còn phải sống nhờ vào giáo hội và giai cấp thượng lưu, do đó có thể phát triển tư tưởng độc lập và ý thức về vai trò của mình, về giá trị lao động và quyền con người nói chung. Nói theo kiểu triết học, nó là giai cấp tự nó và cho nó.
- Nhiệm vụ của nhà nước là nâng mọi người công dân ở trình độ kinh tế thấp hơn vào giai cấp đông đảo này.

Quan điểm này tất nhiên rất khác với quan điểm giai cấp của Marx. Và vào thời Marx thì giai tầng này chưa ra đời. Với Marx và vào thời Marx, giai cấp đông đảo nhất là giai cấp lao động cơ bắp, giai cấp làm ra của cải cho xã hội, nhưng bị giai cấp tư sản nắm phương tiện sản xuất, không lao động, bóc lột thặng dư. Cũng như nông nô, giai cấp này chưa bao giờ là giai cấp tự nó và cho nó. Và hiện nay giai cấp lao động cơ bắp này ngày càng nhỏ đi ở các nước tư bản phát triển chứ không lớn lên. Nhưng có lúc giai cấp vô sản là đa số, nếu lật đổ được giai cấp tư sản để nắm chính quyền thì nó không tránh khỏi việc trở thành chính quyền tư sản. Lý do đơn giản là nó không phải là giai cấp tự nó và cho nó. Cuộc cách mạng mà Marx đề xướng và sau đó được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới chỉ là nhân danh giai cấp vô sản nhưng thực chất chính quyền là từ thành phần thiểu số tự coi mình là “uru tú” của xã hội nằm trong tầng tiên phong và giao cho mình quyền quyết định về luật pháp, chọn lựa ứng cử viên vào mọi cấp chính quyền. Chính quyền này về cơ bản có thể xếp loại theo Aristotle vào tầng lớp ưu tú (aristocracy), hoặc là vua/tổng thống (monarchy) khi chủ tịch đảng hoặc tổng bí thư theo nghĩa vua – triết gia (philosophy king) của Plato nắm toàn quyền ở các nhà nước xã hội chủ nghĩa trước đây. Nhưng cũng như Aristotle đánh giá, tầng lớp ưu tú và vua – triết gia theo đúng nghĩa của nó là không tưởng, không hiện thực. Tính ưu tú, nếu có, cũng dần mất đi để thay thế bằng tranh giành quyền lực cá nhân. Hơn nữa thể chế này không có cơ sở kinh tế để tồn tại nếu không dùng đến các biện pháp đàn áp.

III. Thử ghé mắt nhìn tương lai

Dù nhìn cách nào thì vấn đề phân tích giai cấp và đấu tranh giai cấp của Marx là phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích sự vận động của xã hội. Và đó cũng là phương pháp biện chứng duy vật mà Marx chủ trương. Tuy nhiên từ phương pháp biện chứng duy vật để rút ra một kết luận thì kết luận đó cũng chỉ là giả thuyết cần có thực tế trong tương lai kiểm chứng, nếu không nó phản khoa học, không khác gì phương pháp tư duy đi tìm “ý” bằng đối thoại duy lý của Plato hay biện chứng duy lý của Hegel sau này.

Ở các nước phát triển hiện nay, giai cấp lớn nhất là trung lưu, trong đó có lao động cơ bắp, nhưng lao động có trí thức trong các hoạt động dịch vụ đang trở thành tầng lớp đa số.²⁴ Tầng lớp này dùng tri thức là chính, dù đi làm công, nhưng có quyền lựa chọn, không phải gắn mình vào một ông chủ, có đời sống kinh tế tự lập, có kiến thức và do đó có thể nói nó là giai cấp tự nó và cho nó. Tầng lớp này ở một nghĩa

²⁴ Thành phần lao động trí thức hiện nay ở Mỹ năm 2000 chiếm tới 25.6% tổng lao động nếu tính dựa theo số lao động tốt nghiệp đại học.

nào đó cũng phù hợp với quan điểm của Marx về giai cấp nắm phương tiện sản xuất, theo nghĩa nắm vốn tư bản sản xuất. Hiện nay họ tham gia vào việc nắm sở hữu tư bản thông qua sở hữu cổ phần công ty, nhưng về thực tế chưa thể hiện được quyền làm chủ của mình. Thể chế tồn tại được khi chính quyền là từ họ và đại diện cho quyền lợi của họ. Giai cấp này ngày càng trở thành giai cấp tự nó và cho nó, cho nên nó không thể không ý thức về mục tiêu cuối cùng của con người mà Aristotle bàn đến là hạnh phúc, mà hạnh phúc chỉ có thể đạt được trong một xã hội dựa trên công lý và công lý là kết quả của hoạt động lý trí ngày càng được nâng cao bởi giáo dục. Phân tích về giai cấp lao động trí thức và xã hội dựa chủ yếu vào trí thức trong tương lai đã là đề tài của nhiều người, một thứ khoa học viễn tượng, giả thuyết. Nhưng dù là khoa học viễn tượng, nó cũng là điều đáng làm. Tuy không phải là đề tài của bài viết này, cũng nên phác họa vài nét về nền kinh tế Mỹ hiện nay. Sự phát triển của hoạt động dịch vụ ở đây đã lên trên 70% thu nhập quốc dân (GDP) và được điều động chính bởi tài sản tài chính. Đây là điều Marx chưa nhận thức hết được tầm quan trọng của chúng nên đã chỉ tập trung vào phân tích sản xuất vật chất và coi dịch vụ là thuộc phạm trù phi sản xuất. Tư bản hiện nay có thể nói là đã đi qua thời làm chủ trực tiếp phương tiện sản xuất mà tập trung làm chủ phương tiện tài chính. Làm giàu nhanh chóng có thể do các phát minh có ảnh hưởng lớn đến năng suất hoặc tạo ra các hàng hóa mới, không còn dựa vào bóc lột lao động trực tiếp; nhưng chủ yếu làm giàu nhanh chóng ngày nay là do việc tạo ra thể chế quyền về tư bản tài chính, tạo giá trị ảo ở thị trường tài chính rồi ăn chênh lệch giá tài sản, có nguồn gốc từ những người có sở hữu.²⁵ Vai trò của lao động trí thức và thể chế tương lai của một nền kinh tế trí thức trong tương lai cùng với sự vận động của tư bản tài chính là điều đáng tìm hiểu.

Đối với một số nước mà thần học ngày càng đóng vai trò gìn giữ nhân phẩm và lòng tự hào về văn hóa và dân tộc thì vấn đề dân chủ theo nghĩa chọn lựa theo đa số hẳn không phải là con đường mang lại hạnh phúc và công lý cho đám đông, mà là mang tới cho con người một ách đô hộ mới, đồng thời tước bỏ quyền của thiểu số. Tư tưởng vận động cho một nhà nước thần học hoặc đậm tính thần học này không chỉ đã và đang xảy ra ở các nước Hồi giáo mà ngay cả ở Mỹ, với tổng thống Bush. Thể chế thần quyền tất nhiên cũng không có cơ sở kinh tế để tồn tại dài lâu. Trường hợp tranh đấu cho dân chủ ở Iran hiện nay là điển hình. Vấn đề chọn lựa dân chủ của đám đông u tối chính là lý do mà Aristotle phủ nhận dân chủ về mặt lý trí, nhưng đồng thời lại chấp nhận đó là giải pháp thực tế tốt nhất. Cũng như Aristotle, tất nhiên nhà nước Mỹ hiện nay, hơn ai hết nhận thức được hệ quả của chương trình vận động phát cao ngọn cờ dân chủ. Nhưng không như Aristotle, nơi nào Mỹ phát và không phát ngọn cờ dân chủ còn tùy theo đòi hỏi của thực tế nhằm mục đích bảo vệ quyền thống trị riêng. Cho nên họ phát ngọn cờ này rất ác liệt đối với Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và Liên Xô trước đây nhưng lại dẹp ngọn cờ này, đứng sau lưng các thể chế độc tài trước đây và hiện nay như đối với Pakistan, Afghanistan, Iraq, Saudi Arabia, Ai cập, v.v.

Ở Việt Nam hiện nay, nếu nhìn vào số lao động thì giai cấp lớn nhất, chiếm đến gần 80% dân số là nông dân với tâm trí thức nằm cao nhất là ở trình độ giáo dục cơ bản, đời sống kinh tế chỉ tạm đủ ở mức nghèo khổ nên nó không thể là giai cấp tự nó và cho nó về mặt kinh tế và tư tưởng. Giai cấp lao động cơ bản còn nhỏ bé và bản thân nó dù có lớn lên trong tương lai cũng không phải là giai cấp tự nó và cho nó như đã xảy ra ở các nước tư bản phát triển. Và khi nó lớn lên về số lượng thì nó sẽ trở thành một phần của giai cấp trung lưu có tư sản và trí thức. Cho nên nhà cầm quyền hiện nay, dù chỉ là “nhân danh giai cấp,” và không cần đến bạo lực trấn áp, vẫn có thể tồn tại nếu như nó phục vụ quyền lợi của số đông dân chúng, nhất là khi nông dân dù còn nghèo khổ nhưng đã có đời sống được nâng cao hơn xưa rất nhiều. Tinh thần này cũng đã được hỗ trợ bằng sức nặng của một quá khứ đóng góp vào công cuộc giải phóng đất nước. Tuy vậy chỉ cần thêm một thể hệ nữa là những người lãnh đạo sẽ không còn có quá khứ để bám víu, người dân cũng không còn nhìn về quá khứ mà nhượng bộ. Tự do kinh doanh đã mở cửa cho người dân có cơ hội độc lập trong hành động và tư tưởng, vì bát cơm không còn do nhà nước ban phát như trước

²⁵ Mặc dù ở Mỹ đã có hơn 50% hộ gia đình có sở hữu cổ phần, nhưng sức mạnh bị phân tán. Tuy nhiên, khi nhìn nguồn tài chính từ quỹ hưu trí, chiếm tới 38% tổng tiêu sản (số tiền đóng góp vào nguồn vốn đầu tư của xã hội) – theo US Reserse Bulletin, summary of financial assets and liabilities, ta thấy khả năng kiểm soát thị trường tài chính của nguồn vốn từ dân này không phải là nhỏ. Sự đối trá trong các hoạt động tài chính được phát hiện năm 2000-2002 cũng làm nhiều người đã đặt lại vai trò thụ động của các quỹ hưu trí.

kia. Ý thức về giai cấp sẽ lớn dần khi giai cấp trung lưu lớn mạnh và nếu phát triển như hiện nay thì giai cấp này sẽ nhanh chóng trở thành giai cấp tự nó và vì nó. Quyền lực chỉ có tính “nhân danh,” tự chọn lựa nhau, trên lý thuyết là dựa vào tính “ưu việt” của những người “ưu tú” nhưng thực tế, nếu chỉ nhằm bảo vệ sự tồn tại của tính nhân danh, thì quyền lực đó không có khả năng tồn tại lâu dài. Điều này đã xảy ra ở Đài Loan, Nam Triều Tiên và Thái Lan. Tất nhiên, ở một mức độ nào đó, nhà cầm quyền hiện nay cũng ý thức về tính “nhân danh” của mình nên đã phải thay đổi, chấp nhận một số quyền tự do và mở rộng dân chủ, vừa có tính tự nguyện vừa bị khách quan bó buộc phải thay đổi. Nhận xét này tất nhiên là giả thuyết và chắc chắn là sẽ có người phản bác.

Mục đích cuối cùng của chính quyền là mang lại hạnh phúc và công lý cho công dân như Aristotle nói. Dân chủ chỉ là phương tiện. Muốn có dân chủ thì trước tiên người công dân phải có tự do để có đời sống kinh tế tự chủ, tức là có tư sản cho phép họ có tri thức thông qua giáo dục để làm quyết định chọn lựa độc lập. Muốn có tự do thì tất nhiên phải có nhà nước độc lập. Và khi nói đến mang lại hạnh phúc và công lý cho công dân thì không thể quên cái đuôi của nhóm từ “thể chế kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa” nếu nội dung của định hướng xã hội chủ nghĩa là công lý theo quan điểm của Aristotle. Con người sinh ra không bình đẳng về thể chất sinh lý, về trí tuệ, về hoàn cảnh gia đình, cho nên công lý đòi hỏi định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo bình đẳng về cơ hội, phân phối lại tài sản để nâng đời sống của những người thiệt thòi. Thể chế tư bản cũng thay đổi vì áp lực đấu tranh của những người tin vào định hướng xã hội chủ nghĩa này. Càng nhìn vào nước Mỹ hiện nay, không thể không thấy sự quan trọng của cái đuôi này. Tất nhiên cái đuôi này không mang ý nghĩa nhân danh tính ưu việt của tầng lớp ưu tú.